TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/6/ 2019
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhân;

2. Bà Nguyễn Phan Thùy Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Nguyệt Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trang Thị Mỹ L, sinh năm 1983; nơi cư trú: số H đường số N, khóm J, phường P, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1980; nơi cư trú: tổ 15, khóm F, phường L, thành phố D, tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trang Thị Mỹ L trình bày:

Vào năm 2005, nguyên đơn và bị đơn ông Nguyễn Thanh D tự tìm hiểu, yêu thương nhau nên tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú A. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu

thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân với nhau 02 năm. Do giữa vợ, chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Nguyễn Tấn F, sinh ngày 01/10/2007 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 13/11/2012. Hiện con chung do nguyên đơn đang nuôi dạy, nguyên đơn yêu cầu nuôi con, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thanh D trình bày:

Bị đơn thống nhất với trình bày của nguyên đơn về thời gian sống chung, tài sản chung, nợ chung. Về mâu thuẫn gia đình, bị đơn cho rằng giữa bị đơn và nguyên đơn hoàn toàn không có mâu thuẫn, chỉ mâu thuẫn với 02 em ruột nên vào ngày 23/7/2017 nguyên đơn đã bỏ nhà đi. Hiện tại bị đơn vẫn còn tình cảm với nguyên đơn nhưng nguyên đơn đã có người khác nên bị đơn chấp nhận ly hôn theo đơn yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Bị đơn yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về con chung; các đương sự không thống nhất về người trực tiếp nuôi con nên hòa giải không thành.

Tại phiên tòa,

Các đương sự xác định không cung cấp hoặc yêu cầu Tòa án thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như đã trình bày.

Bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Về con chung, bị đơn yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con.

- Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà L và ông D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà L khởi kiện xin ly hôn, ông D đồng ý ly hôn nên chấp nhận cho họ ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- *Về con chung:* Bà L, ông D xác định trong thời kỳ hôn nhân có 02 con chung tên Nguyễn Tấn F, sinh ngày 01/10/2007 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 13/11//2012 hiện do bà Chung Thị HG (mẹ ruột bà L) chăm sóc, nuôi dạy. Do vậy, để hạn chế sự ảnh hưởng của việc cha mẹ ly hôn, tạo điều kiện thuận lợi cho bé phát triển, nhằm ổn định cuộc sống và nguyện vọng của bé nên việc để các cháu cho bà gia đình bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, giao con chung cho bà L tiếp tục nuôi dạy, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện sau thời gian tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc vào ngày 26/4/2005; giấy chứng nhận kết hôn số 64/HT, quyển số 01/2005 nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng hiện tại bà L và ông D không còn sống chung, trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bị đơn đồng ý ly hôn. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc ly hôn với ông D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về con chung, nguyên đơn, bị đơn xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Tấn F sinh ngày 01/10/2007 và Nguyễn Huy H sinh ngày 13/11/2012.

Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*".

Về điều kiện nuôi con thấy rằng, nguyên đơn và bị đơn đều có đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, từ nhỏ các cháu đã được gia đình bà L nuôi dạy, chăm sóc nên có sự gắn kết nhất định về điều kiện sống cũng như môi trường sinh hoạt. Do đó, nhằm tiếp tục ổn định cuộc sống của các cháu, đảm bảo cho các cháu được phát triển toàn diện về mọi mặt cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu Dũng, xét giao con chung cho bà L tiếp tục nuôi dạy và chăm sóc như quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

Bà L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự

năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trang Thị Mỹ L.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trang Thị Mỹ L được ly hôn ông Nguyễn Thanh D.

[2] Về con chung: Bà Trang Thị Mỹ L được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung tên Nguyễn Tấn F sinh ngày 01/10/2007 và Nguyễn Huy H sinh ngày 13/11/2012 cho đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Thanh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trang Thị Mỹ L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Thanh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Trang Thị Mỹ L phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số 0007760 ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà L đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Thanh D không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà L, ông D có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tâm